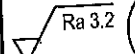
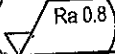
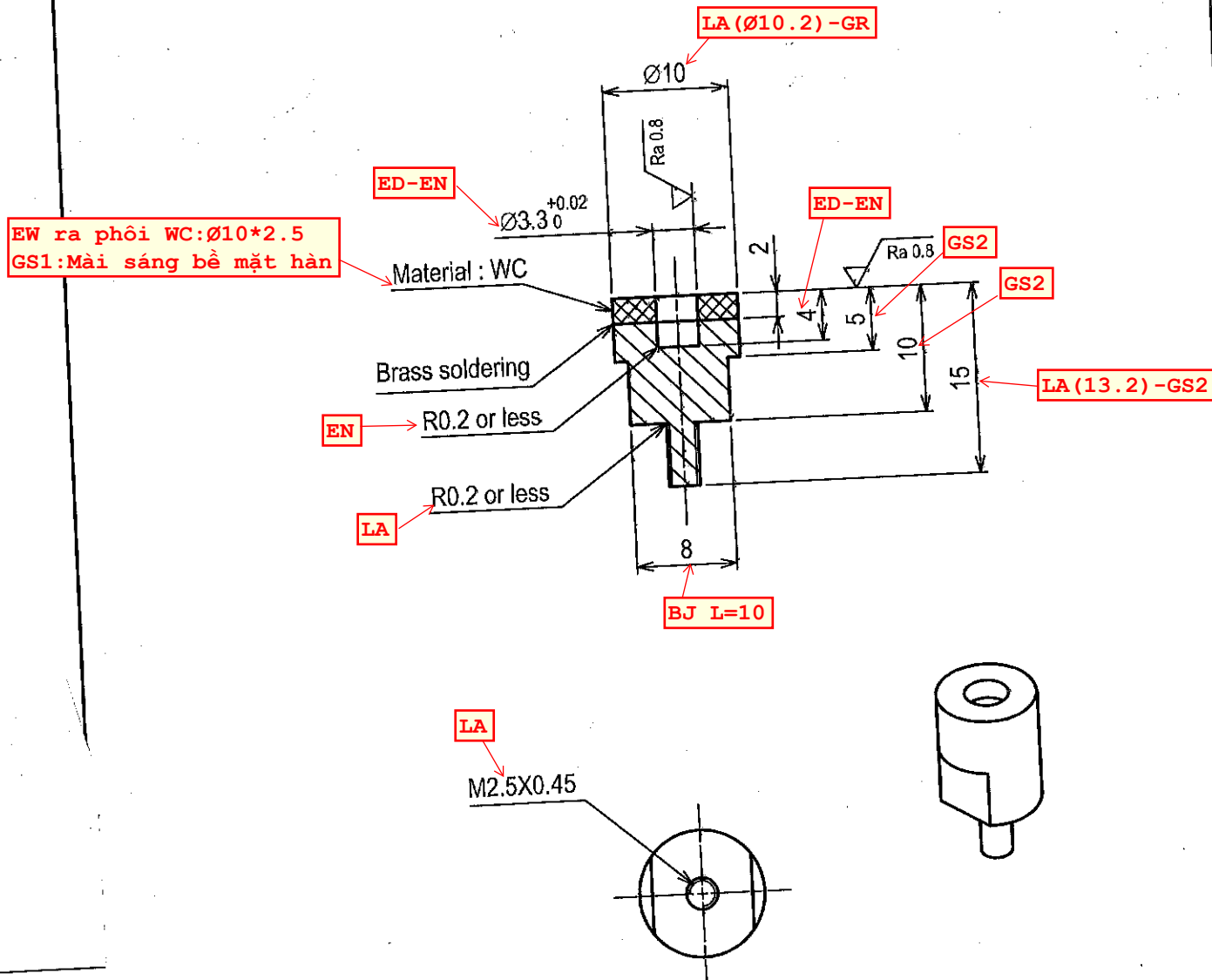


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2020/01/08	22/1/10	VDM-XLB-185-025	Do Quang Ham	Pham Phu Quoc	Dong Khac Tu	$0.5 \leq , \leq 6$	± 0.1
△							$6 < , \leq 30$	± 0.2
△							$30 < , \leq 120$	± 0.3
△							$120 < , \leq 400$	± 0.5
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k	
							FINISH MARKS	
							 Ra 3.2	 Ra 0.8

ALL C0.3



30
40
30
30
20
30
60
90
10

sed 11 $\phi 10 \times 20$
wc $\phi 10 \times 4$

CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Dong_Khac_Tu	SKD11+WC	2:1	部品図 PART DRAWING	測定台 MEASURE BASE
DSGND.	SURFACE	SIZE	部品図 部品圖	測定座 側定座
Pham_Phu_Quoc		A4	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER		2018/09/19	R349185
Pham_Phu_Quoc	HRC 58 ~62			

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

44-11090348.R349185 - GIA CONG - 27/12/2021 1090347

SNO: **R349185**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11:Ø12*20 WCD30:Ø10*3	LA:30 BJ:20 HT:40 EW:20 GS1:20 WG:20 GR:30 GS2:30 ED:15 EN:40 AF:10